

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01- 2023

V/v: Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lợi và ông Thiên Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1976 (có mặt).

Trú tại: thôn Lạc S 1, xã N, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Mai Thanh T, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Lạc S 1, xã N, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà với ông Mai Thanh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến chung sống với nhau từ khoảng năm 2002 và đến năm 2015 thì thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thuận Nam. Quá trình vợ chồng chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng vì con cái nên bà cố gắng chịu đựng chung sống với ông T. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn nợ nần nhưng ông T không chịu đi làm kiếm tiền, khi bà xin đi làm thì ông T phản đối, không cho đi, sau đó thì bà bỏ đi

sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà nên vợ chồng sống cách ly nhau từ đó cho đến nay. Nay bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, đã sống cách ly nhau từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn ông Mai Thanh T.
- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Mai S, sinh năm 2002. Hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động tự túc nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại Bản tự khai đề ngày 29/5/2022 ông Mai Thanh T trình bày: Ông với bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2001 và đến năm 2015 thì có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Thuận Nam và thừa nhận ông bà có 01 con chung tên Mai S, sinh năm 2002, ngoài ra ông không trình bày gì thêm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tố tụng, niêm yết theo quy định pháp luật nhưng ông T không có mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T, bà T được ly hôn ông T.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Mai Thanh T, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Mai Thanh T hiện đang cư trú tại thôn Lạc S 1, xã N, huyện Thuận Nam,

tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Thanh T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2015, ngày 15/7/2015 và Giấy khai sinh số 451 ngày 01/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thuận Nam, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Mai Thanh T là hôn nhân hợp pháp, thời điểm kết hôn năm 2015, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2]. Về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông T không chịu tập trung làm ăn, khi bà T xin đi làm để vợ chồng có thêm thu nhập thì ông T phản đối nên bà tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống nên bà và ông T sống cách ly nhau từ đó cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, ông T có bản tự khai trình bày về quá trình chung sống, về con chung nhưng lại không trình bày về mâu thuẫn vợ chồng cũng như ý kiến của ông về việc bà T có yêu cầu được ly hôn, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông T về thời gian và địa điểm mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T không có mặt, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T, tại phiên tòa mở lần thứ hai ông T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà T.

[4]. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Mai Thanh T thừa nhận ông bà có 01 con chung tên Mai S, sinh năm 2002. Hiện con trưởng thành và có khả năng lao động tự túc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn ông Mai Thanh T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0001205 ngày 10/02/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Khánh Hưng

